TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2017
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường.

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 536/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp 8, xã N, huyện B, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí S, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp 8, xã N, huyện B, tỉnh L.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý bà và ông Nguyễn Chí S đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ky kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh L và được Ủy ban cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/11/2015.

Cuộc sống chung của vợ chồng bà hạnh phúc đến khoảng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà và ông S đã ly thân nhau

từ tháng 7/2017 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/5/2015. Hiện tại cháu Đ đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu thừ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông S không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Chí S thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông và bà T đã ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Nay ông xét thấy cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T.

Về nuôi con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/5/2015. Hiện tại cháu Đ đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T không có tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 bản sao chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu; 01 bản sao giấy khai sinh của cháu Đ, 01 bản chính giấy đăng ký kết hôn; 01 bản tự khai của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí S. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, thấy rằng: Bà T và ông S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh L cấp ngày 09/11/2015 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông S là hợp pháp. Bà T và ông S đều thống nhất cuộc sống chung trong thời gian gần đây của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà T và ông S đã ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Cả bà T và ông S đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bà T yêu cầu ly hôn, ông S cũng đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3.2] Về nuôi con chung: Các đương sự đều thừa nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/5/2015, hiện đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, không đồng ý cho ông

S được nuôi con. Ông S cũng yêu cầu được nuôi con chung, không đồng ý để cho bà T được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện cháu Đ đang sống với bà T, cuộc sống đã ổn định, cháu vẫn phát triển bình thường, khả năng bà T có thể chăm sóc con chung tốt. Hơn nữa cháu Đ sinh ngày 24/5/2015 tính đến nay cháu chưa đủ 03 tuổi. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Đ cần căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Đ cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi nhưng không chứng minh được nguồn thu nhập thực tế của ông S nên cần xem xét buộc ông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định của Nhà nước. Mức cấp dưỡng nuôi con theo Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng mỗi cháu bằng ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Tại Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ thì mức lương tối thiểu là 1.300.000đồng, bà T yêu cầu ông S cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng là cao so với quy định của pháp luật. Ông S không đồng ý cấp dưỡng nuôi con là không có cơ sở vì theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Như vậy cần buộc ông S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S thống nhất xác định không có tài sản chung, nợ chung và hiện tại không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Chí S phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Chí S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Thanh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Chí S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 650.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005877 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Chí S phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Chí Cường Nguyễn Thị Oanh Thi **Nguyễn Văn Cảnh**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 12 năm 2017

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường
2. Bà Nguyễn Thị Oanh Thi

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 536/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí S

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Chí S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Thanh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Chí S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 650.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005877 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Chí S phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Chí Cường **Nguyễn Thị Oanh Thi** **Nguyễn Văn Cảnh**